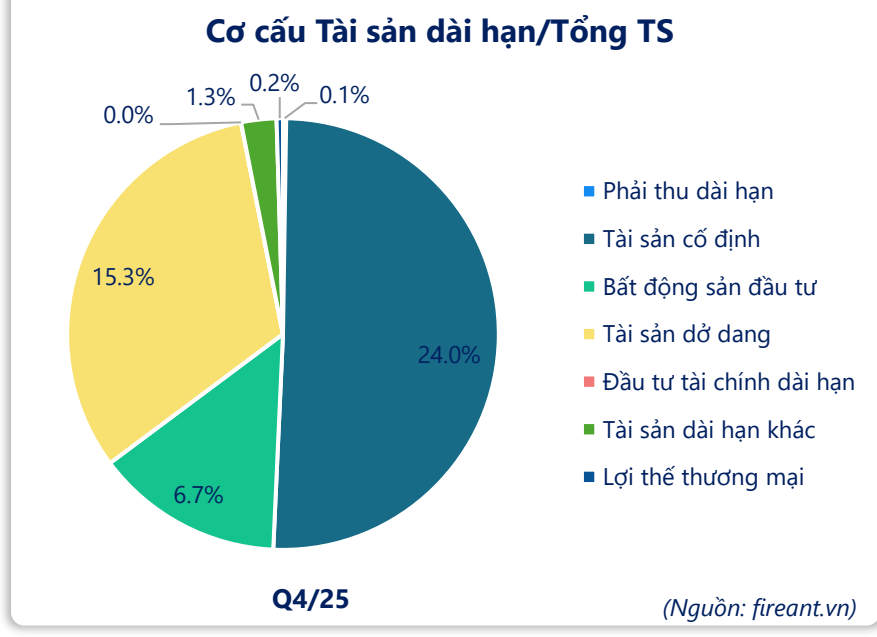
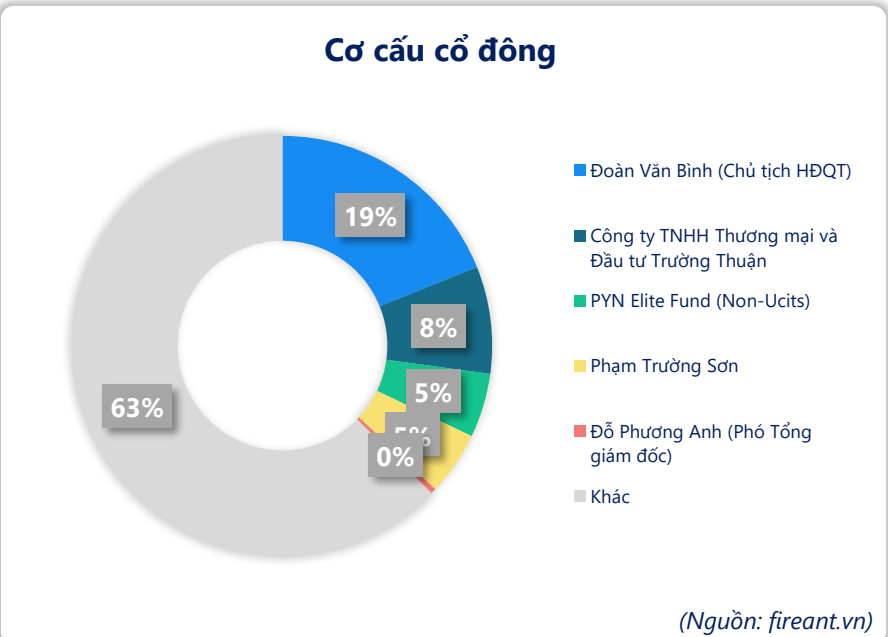
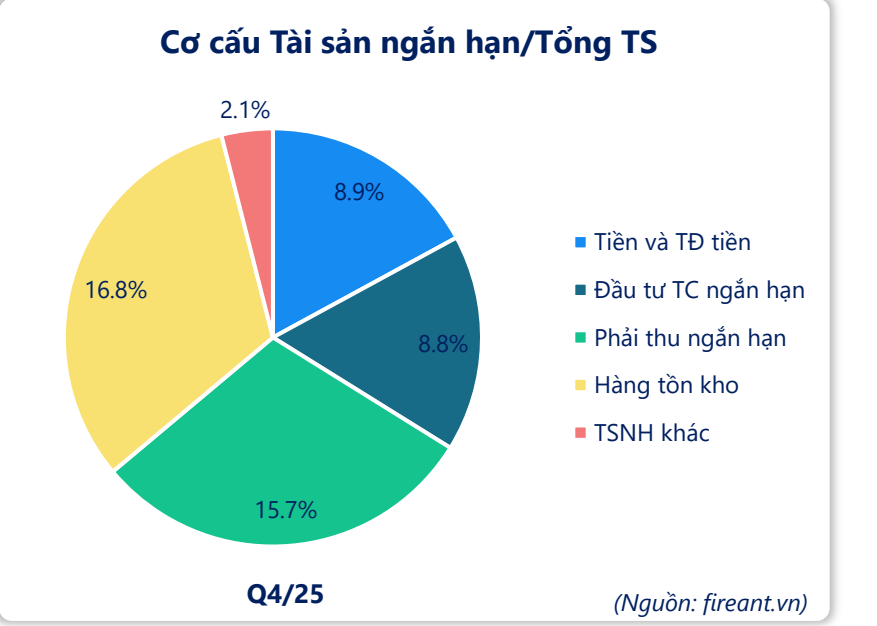
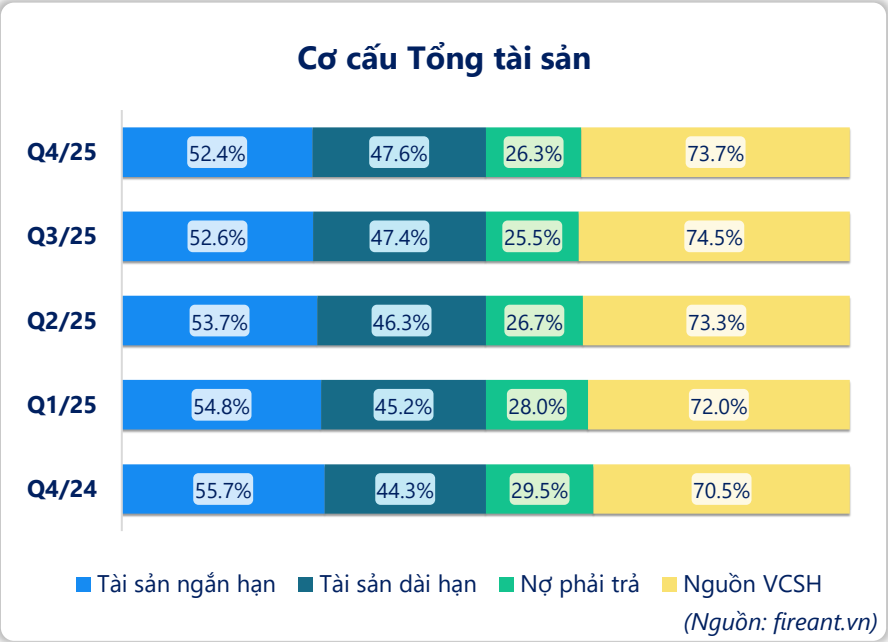
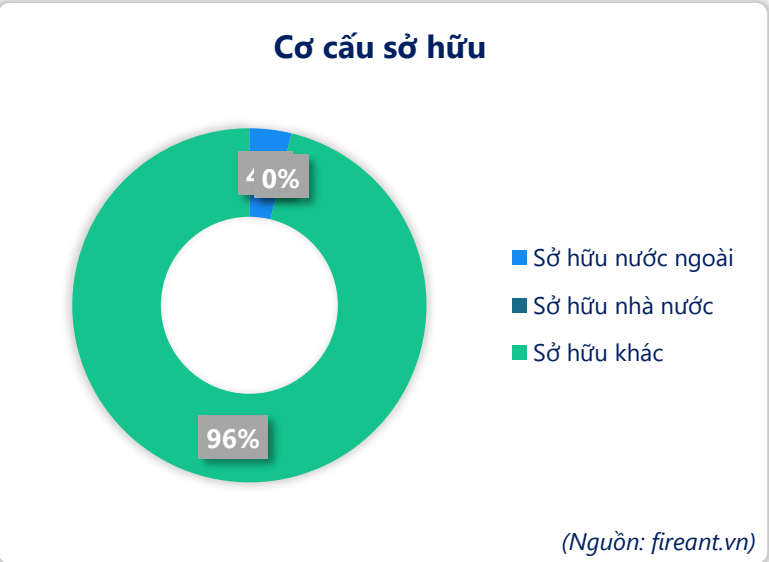
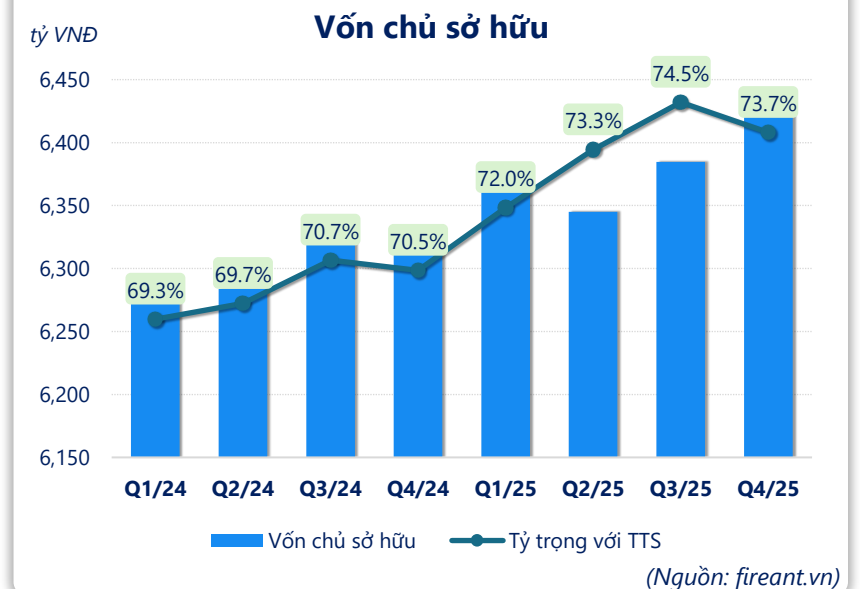
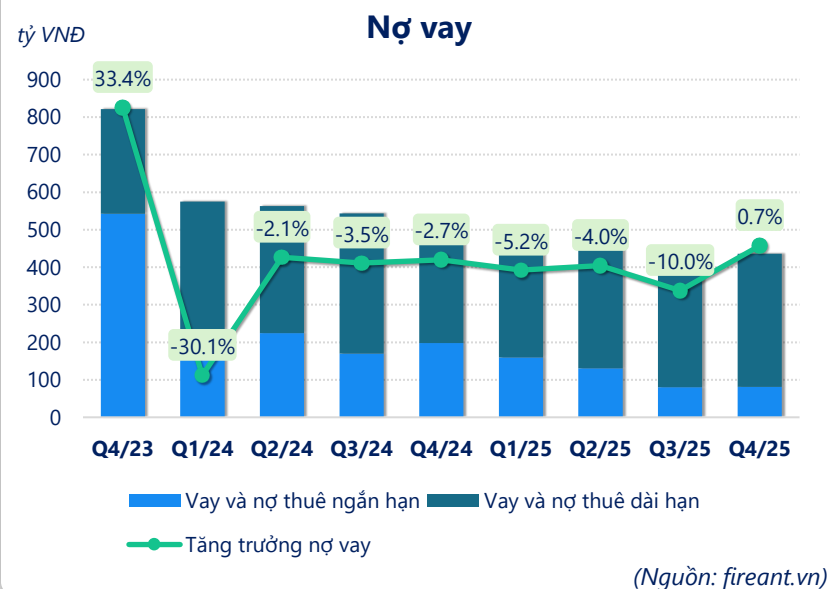
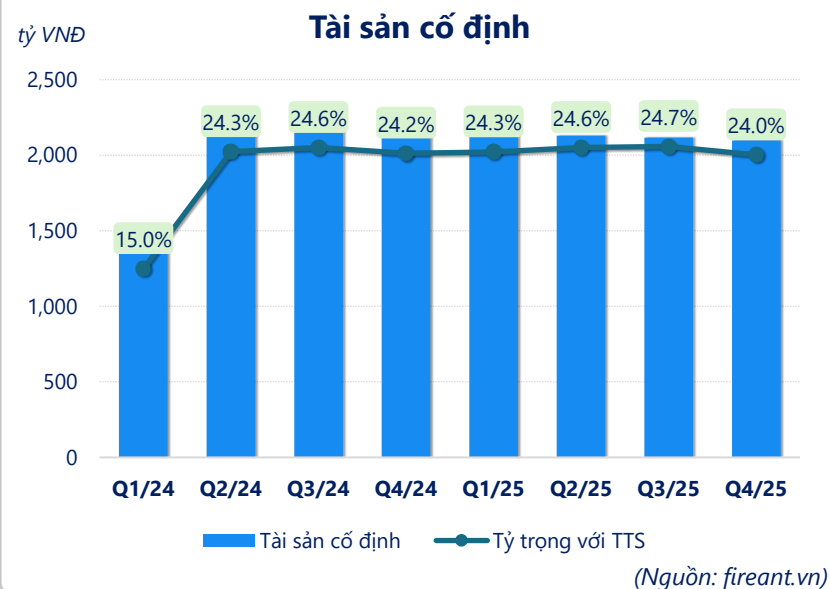
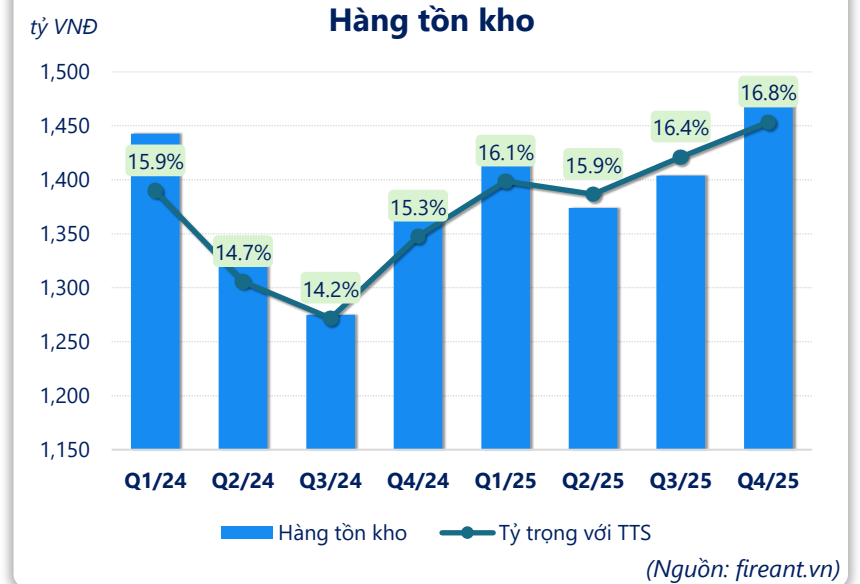
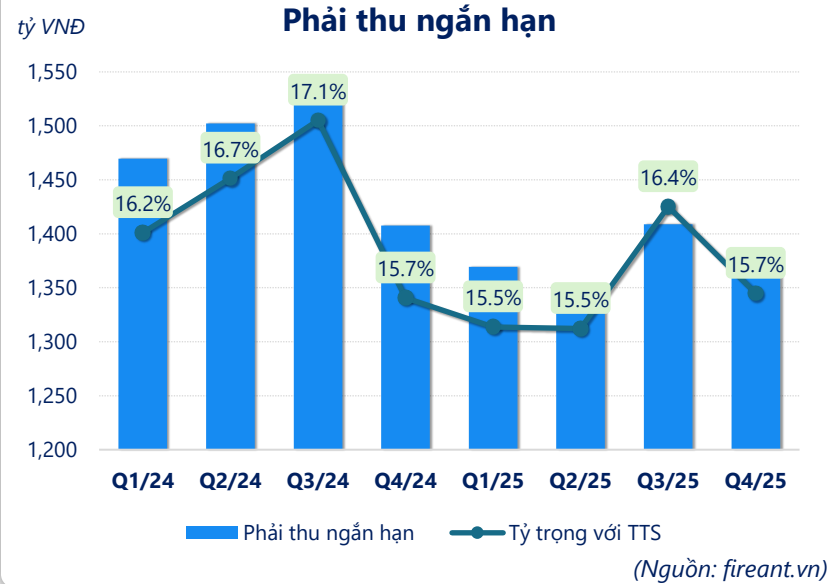
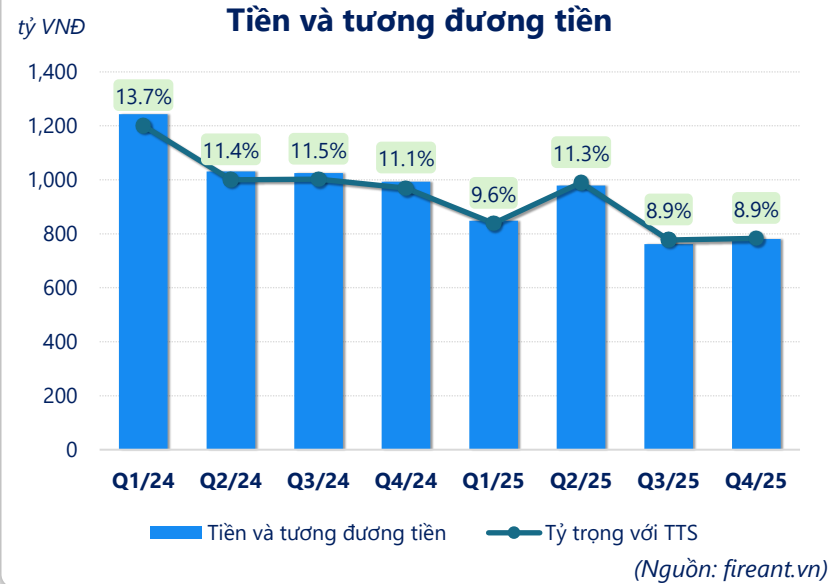
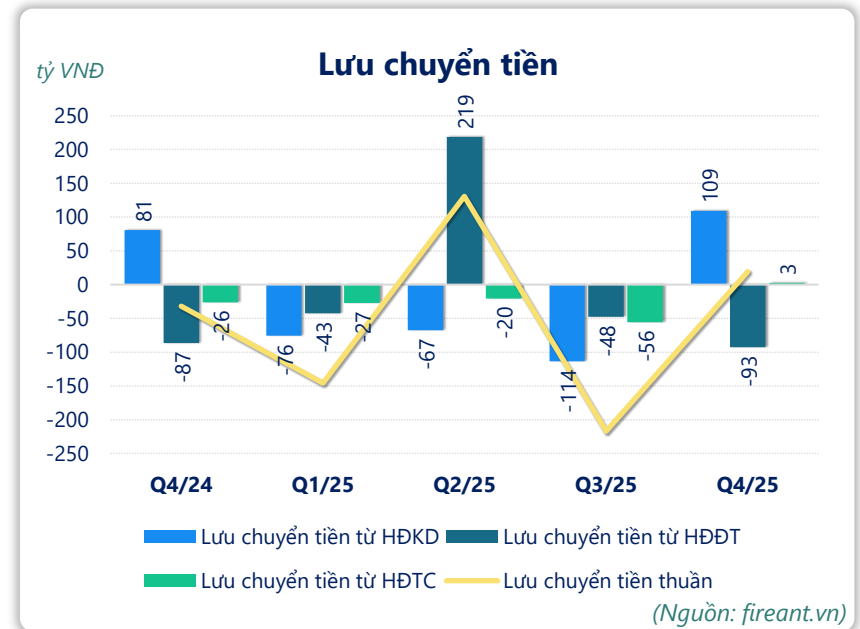
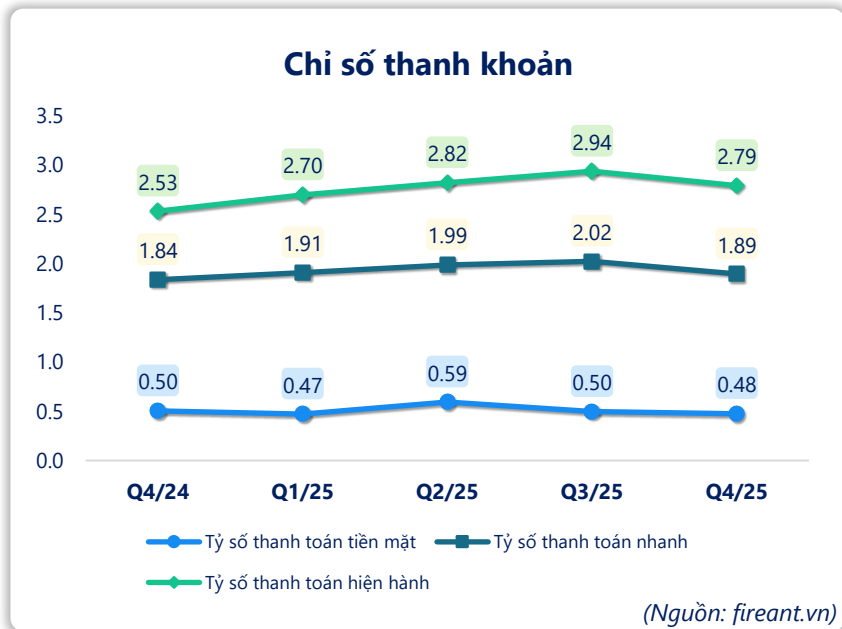
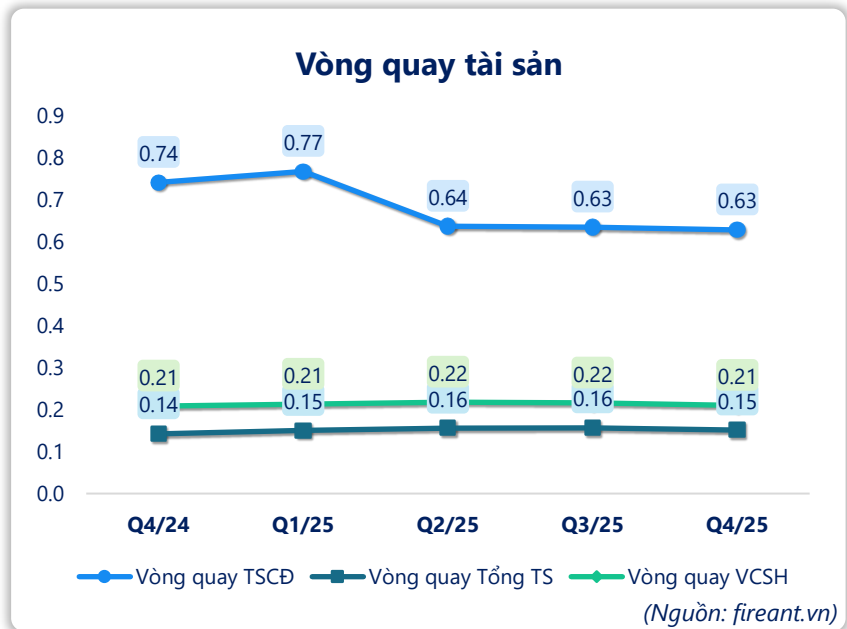
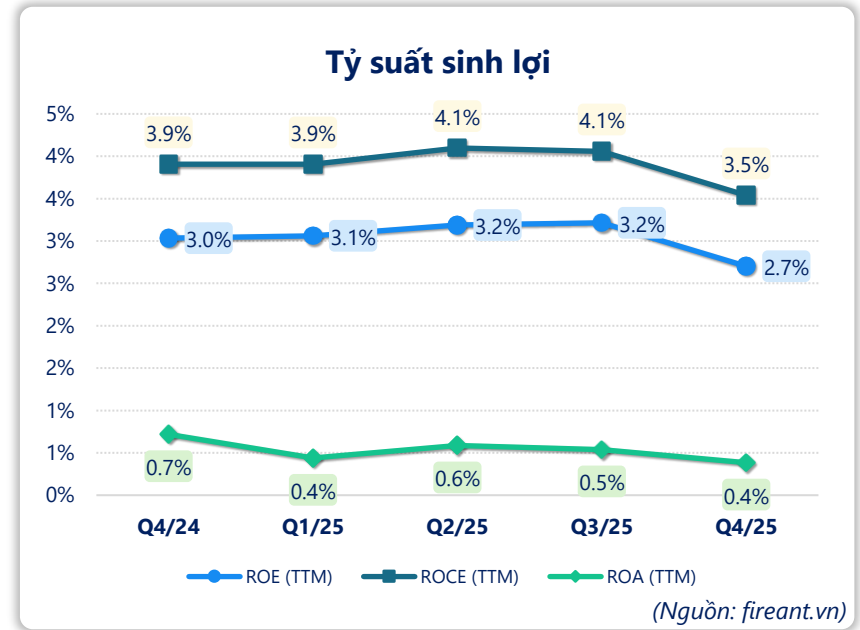
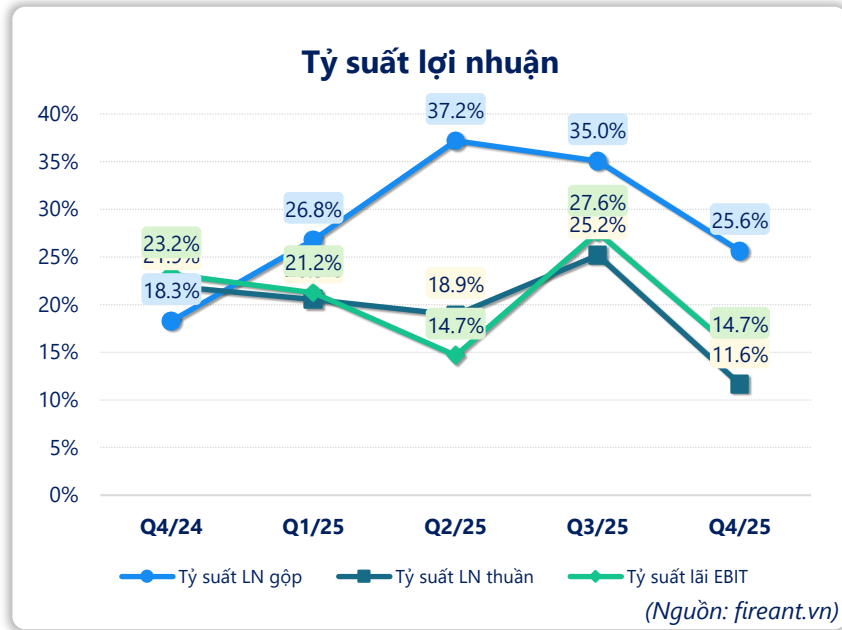
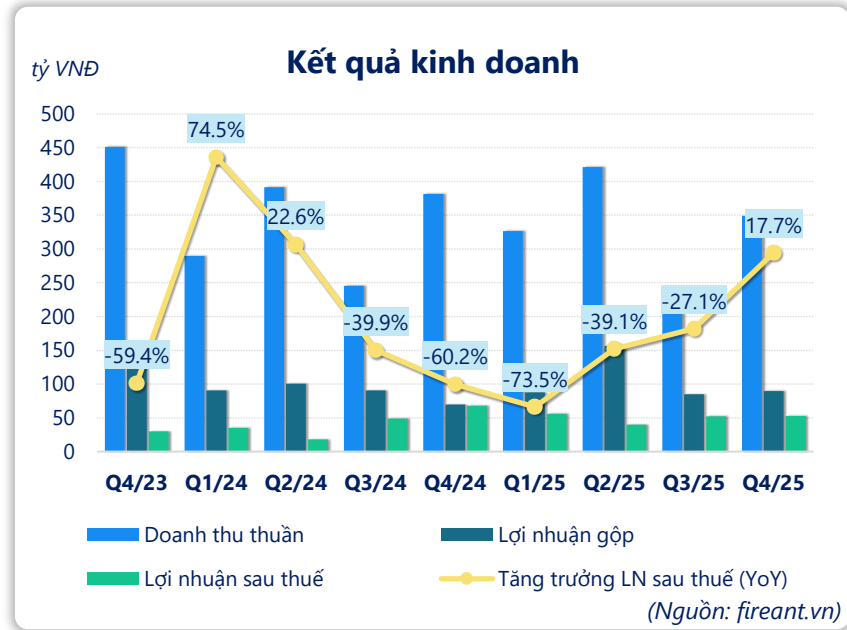


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		21,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		31,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,822
SL cổ phiếu LH		567,416,075
KLGD BQ 20 phiên (CP)		11,602,950
% sở hữu nước ngoài		3.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		11,972
P/E		69.5
EPS		304

	YTD	1T	3T	6T
CEO	66.4%	-19.8%	-13.5%	17.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	8,728	8,958	-2.6%
Tài sản ngắn hạn	4,573	4,991	-8.4%
Tiền và tương đương tiền	781	993	-21.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	768	1,006	-23.7%
Phải thu ngắn hạn	1,374	1,402	-2.0%
Hàng tồn kho	1,469	1,376	6.8%
Tài sản ngắn hạn khác	182	214	-15.3%
Tài sản dài hạn	4,155	3,966	4.8%
Phải thu dài hạn	9.93	9.95	-0.2%
Tài sản cố định	2,097	2,159	-2.9%
Bất động sản đầu tư	585	602	-2.8%
Tài sản dở dang	1,333	1,078	23.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.10	0	
Tài sản dài hạn khác	110	80.7	35.8%
Lợi thế thương mại	19.8	37.2	-46.7%
Nợ phải trả	2,292	2,645	-13.4%
Nợ ngắn hạn	1,639	1,966	-16.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	81.5	193	-57.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	226	220	2.6%
Nợ dài hạn	653	679	-3.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	354	335	5.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,436	6,312	2.0%
Vốn chủ sở hữu	6,436	6,312	2.0%
Vốn điều lệ	5,674	5,404	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	382	326	421	242	349
Giá vốn hàng bán	312	239	265	157	260
Lợi nhuận gộp	69.7	87.5	157	84.8	89.5
Doanh thu HĐTC	38.4	14.9	20.8	15.5	25.0
Chi phí TC	7.56	7.42	6.78	6.61	6.25
Chi phí lãi vay	7.20	7.41	6.55	6.51	6.18
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.32	7.28	19.4	9.03	10.8
Chi phí QLDN	11.6	20.7	71.6	23.8	56.9
LN thuần từ HĐKD	83.7	67.0	79.7	60.9	40.6
Lợi nhuận khác	-2.41	-5.16	-24.5	-0.74	4.69
LN trước thuế	81.3	61.8	55.2	60.2	45.3
Lợi nhuận sau thuế	67.8	56.1	39.6	52.2	52.5
LNST của CĐ cty mẹ	66.0	39.3	51.8	47.2	34.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	80.7	-75.7	-67.4	-114	109
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-86.7	-42.6	219	-47.5	-92.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-26.1	-27.2	-20.5	-55.6	2.76
Tiền đầu kỳ	1,025	993	848	979	762
Lưu chuyển tiền thuần	-32.1	-146	131	-217	19.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.11	0.11	-0.04	-0.17	0.11
Tiền cuối kỳ	993	848	979	762	781

(Nguồn: fireant.vn)